TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2025/HNGĐ-PT;
Ngày: 12/3/2025;
V/v "Ly hôn, chia tài sản khi ly hôn";

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hồng;
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Lương;
Ông Lê Minh Đạt.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Minh Phương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Hồng Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 59/2024/TLPT-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2024 về việc "Ly hôn, chia tài sản khi ly hôn"

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 82/2024/HNGĐ-ST ngày 06 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 5137/2024/QĐPT-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim Y, sinh năm 1976;
Địa chỉ: Ấp G, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Huỳnh Minh T, luật sư của Công ty L thuộc Đoàn luật sư tỉnh B; địa chỉ: C, đường Đ, khu phố C, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông La Hoài H, sinh năm 1977;
Địa chỉ: Ấp G, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ngân hàng Thương mại cổ phần N1;
Trụ sở chính: 201-203, đường C, phường D, quận C, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp: Bà Phan Như P, Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần N1 - Chi nhánh B1 - Phòng G1; địa chỉ: Số C A, khu phố A, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre; có văn bản yêu cầu không tham gia tố tụng ngày 17/4/2024.

2. Bà Nguyễn Thị Kim U, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Ấp G, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre; có mặt.

3. Ông Trần Minh T1, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Ấp V, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre; có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 03/5/2024.

4. Bà Mai Thị Ả, sinh năm 1946;

Địa chỉ: Ấp G, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre; có mặt.

5. Ông Trần Minh Đ, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Ấp G, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre; vắng mặt.

- *Người làm chứng do bị đơn tự triệu tập:* Ông La Hoài H1, sinh năm: 1986;

Địa chỉ: ấp P, xã M, huyện T, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; có mặt.

- *Người kháng cáo*: Nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Kim Y, bị đơn - ông La Hoài H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm:

Nguyên đơn Nguyễn Thị Kim Y trình bày như sau:

Bà Nguyễn Thị Kim Y với ông La Hoài H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2000, hai bên có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre vào năm 2010. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống có hạnh phúc. Đến năm 2019, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cự cải nhau, ông H chỉ lo ăn chơi, không lo xây dựng gia đình, đem đồ đạc trong nhà đi bán và bạo hành gia đình, đập phá đồ đạc trong nhà. Bà Y cố gắng hàn gắn, thuyết phục ông H để xây dựng lại hạnh phúc gia đình, nhưng không có kết quả, từ đó tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Vợ chồng bà Y, ông H đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay.

Do không còn tình cảm vợ chồng với ông H nữa nên bà Y yêu cầu ly hôn với ông H.

Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên là Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày 30/9/2002; La Xuân P1, sinh ngày 23/01/2009. Sau khi ly hôn, bà Nguyễn Thị Kim Y yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu La Xuân P1, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu Nguyễn Thị Tuyết N đã trưởng thành không

yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng bà Y, ông H có nợ Ngân hàng TMCP N1-Chi nhánh B1-Phòng G2 Đại số tiền là 16.650.000 đồng (Mười sáu triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng). Bà Y tự nguyện tiếp tục trả cho ngân hàng đến khi hết nợ. Riêng số tiền bà Y trả nợ thay cho ông H, bà Y sẽ khởi kiện yêu cầu ông H hoàn trả trong vụ kiện khác.

Nguyên đơn Nguyễn Thị Kim Y rút lại yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông La Hoài H phải hoàn trả tiền vay, tiền bán xe và tiền cấp dưỡng nuôi con.

Bị đơn La Hoài H trình bày:

Ông H thống nhất với bà Nguyễn Thị Kim Y về quá trình chung, sống, đăng ký kết hôn và con chung. Hiện tại, mâu thuẫn vợ, chồng trầm trọng, không thể hàn gắn được. Do đó, nay bà Y yêu cầu ly hôn, ông Hiệp đồng Ý.

Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên là Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày 30/9/2002; La Xuân P1, sinh ngày 23/01/2009. Sau khi ly hôn, ông Hiệp đồng Ý để bà Y trực tiếp nuôi dưỡng cháu La Xuân P1, ông H không phải cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu Nguyễn Thị Tuyết N đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Trong thời kỳ hôn nhân, ông H với bà Y tạo lập được các tài sản chung gồm: Thửa đất số 131, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre do bà Nguyễn Thị Kim Y đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Thửa đất số 379, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre do bà Nguyễn Thị Kim U đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trên thửa đất số 379, tờ bản đồ số 5 có 02 căn nhà (01 căn nhà bà Y đang ở, căn còn lại chia thành 02 căn nhỏ cho thuê).

Ông H yêu cầu chia đôi tất cả tài sản chung nói trên, đồng thời ông H yêu cầu nhận giá trị.

Về nợ chung: Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng bà Y, ông H còn nợ Ngân hàng TMCP N1-Chi nhánh B1, phòng G2 Đại số tiền là 16.650.000 đồng (Mười sáu triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng). Bà Y tự nguyện trả tiếp số tiền nợ còn lại, ông H không có ý kiến hay yêu cầu gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng Thương mại cổ phần N1 do người đại diện hợp pháp là Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần N1 - Chi nhánh B1 - Phòng G1 có văn bản gửi cho Toà án trình bày:

Do bà Y đã cam kết đơn phương thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng số tiền còn lại nên Ngân hàng Thương mại cổ phần N1 - Chi nhánh B1 - Phòng G1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Kim U trình bày:

Bà U không đồng ý theo yêu cầu chia tài sản chung của ông La Hoài H đối với thửa đất số 379, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre bởi vì thửa đất số 379, tờ bản đồ số 5 là do bà U đứng tên, tài sản trên đất là nhà gạch G1 (Nhà gạch G1, tách ra thành 02 căn nhỏ để cho thuê) do bà Nguyễn Thị Kim U xây dựng, không phải là tài sản chung của vợ chồng bà Y, ông H. Do đó, bà U đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của ông H về việc chia thửa đất số 379, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre và nhà gạch G1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Minh T1 trình bày:

Ông T1 đang thuê 01 căn nhà của bà Nguyễn Thị Kim U được xây dựng trên thửa đất số 379, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre từ ngày 27/3/2024. Thời hạn hai bên thỏa thuận thuê là 01 năm. Sau khi Tòa án xét xử xong vụ việc, nếu căn nhà của bà Nguyễn Thị Kim U thì ông T1 tiếp tục thuê, trong trường hợp căn nhà của người khác thì ông T1 chấm dứt hợp đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Mai Thị Ả trình bày:

Phần đất ruộng thuộc thửa đất số 131, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre là do bà Ả chuyển nhượng của bà Lê Thị Bạch Y1, bà Ả là người trực tiếp trả tiền. Đồng thời, thửa đất số 131, tờ bản đồ số 13, bà Ảnh cho riêng con gái là Nguyễn Thị Kim Y. Ông La Hoài H không lo làm ăn, chỉ lo ăn nhậu, do đó bà Ả không cho. Riêng phần đất thuộc thửa số 379, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre là của bà Nguyễn Thị Kim U. Nhà gạch G2 mà bà Y đang ở khi ông H về đã có nhà rồi.

Sau khi hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Bình Đại đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 82/2024/HNGĐ-ST ngày 06 tháng 8 năm 2024, Tòa án nhân dân huyện Bình Đại đã quyết định (tóm tắt):

1. Chấp nhận một phần đơn khởi kiện về việc yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Kim Y đối với ông La Hoài H.

Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Kim Y với ông La Hoài H.

Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Kim Y với ông La Hoài H chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con chung:

Bà Y được trực tiếp nuôi dưỡng cháu La Xuân P1, sinh ngày 23/01/2009. Riêng cháu Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày 30/9/2002 đã trưởng thành, hai bên không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

Ông H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà

không ai được cản trở.

Bà Y trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84, Điều 116 và Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và quyết định thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung.

Bà Nguyễn Thị Kim Y được chia, nhận bằng hiện vật và toàn quyền sử dụng thửa đất số 131, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại xã P, huyện B tỉnh Bến Tre. Ngoài ra, bà Y được quyền sở hữu các tài sản trên đất gồm: 22 cây dừa; 01 căn chòi có kết cấu mái lợp tole fiproximăng, vách tole thiếc, cột xi măng, nền xi măng

+ Thửa đất số 131, tờ bản đồ số 13, có tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp kênh.
- Hướng Tây giáp thửa 103, tờ bản đồ số 13 (Đất ông Nguyễn Thành B).
- Hướng Nam giáp thửa 130, tờ bản đồ 13 (Đất của bà Nguyễn Thị Kim U).
- Hướng Bắc giáp thửa 132, tờ bản đồ số 13 (Đất ông Nguyễn Thành B).

(Kèm theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 06/9/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B, tỉnh Bến Tre).

Bà Nguyễn Thị Kim Y phải có nghĩa vụ bồi hoàn lại cho ông La Hoài H phân nửa giá trị thửa đất 131, tờ bản đồ số 13 và các tài sản trên đất với số tiền là 183.083.000 đồng (Một trăm tám mươi ba triệu không trăm tám mươi ba nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị Kim Y được chia, nhận bằng hiện vật và toàn quyền sở hữu nhà gạch G2 được xây dựng trên thửa đất số 379, tờ bản đồ số 5, do bà Nguyễn Thị Kim U đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nhà gạch G2 có kết cấu: Phần nhà phía trước mống cột pê tông cốt thép, tường bao che, không ngăn phòng, xây gạch 10 cm, dán gạch và sơn nước, trần nhựa, nền lát gạch Ceramic, mái tole, tráng kẻm; Phần nhà phía sau nền lát gạch Ceramic, mái tole fiproximăng, mống cột pê tông cốt thép, tường bao che, ngăn phòng, xây gạch 10 cm, sơn nước, dán tường, trần nhựa. Ngoài ra, bà Y được toàn quyền sở hữu mái Che 2, máy che 3, nhà vệ sinh và hồ nước.

(Kèm theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 25/7/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B, tỉnh Bến Tre).

Bà Nguyễn Thị Kim Y phải có nghĩa vụ bồi hoàn lại cho ông La Hoài H một phần tư giá trị ngôi nhà gạch G2 với số tiền là 28.751.000 đồng (Hai mươi tám triệu bảy trăm năm mươi mốt nghìn đồng).

Như vậy, tổng số tiền bà Nguyễn Thị Kim Y phải có nghĩa vụ bồi hoàn lại

cho ông La Hoài H là 211.834.000 đồng (Hai trăm mười một triệu tám trăm ba mươi bốn nghìn đồng).

4. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim Y đối với ông La Hoài H về việc yêu cầu ông H hoàn trả số tiền vay, tiền bán xe và tiền cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền lưu cư của bị đơn La Hoài H:

Ông La Hoài H không yêu cầu lưu cư nên không xem xét, giải quyết.

6. Về nợ chung:

Bà Nguyễn Thị Kim Y với ông La Hoài H có nợ Ngân hàng TMCP N1-Chi nhánh B1-Phòng G2 Đại số tiền là 16.650.000 đồng (Mười sáu triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng). Ngân hàng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi chậm trả, chi phí tố tụng, án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07/8/2024, nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Kim Y có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà. Ngày 16/8/2024, bị đơn - ông La Hoài H có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm về tài sản chung.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông H, chấp nhận kháng cáo của bà Y, điều chỉnh lại phần quyết định án phí cho phù hợp quy định pháp luật.

Bị đơn không đồng ý yêu cầu kháng cáo của bà Y, vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của ông, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, yêu cầu được chia hai tất cả tài sản chung theo hướng ông được nhận hiện vật.

Bà Ả trình bày nhà G là do bà xây cho bà Kim Y về ở.

Người làm chứng do bị đơn tự triệu tập trình bày ông không biết về nguồn gốc tài sản tranh chấp của ông H và bà Y, ông chỉ biết ông H có về ở tại huyện B và nuôi tôm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phát biểu:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Toà án áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, không chấp nhận kháng cáo của cả bà Y và ông H. Giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 82/2024/HNGĐ-ST ngày 06 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng. Xét kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre. Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Kim Y, bị đơn - ông La Hoài H kháng cáo và thực hiện các thủ tục kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Đối với nội dung về quan hệ hôn nhân, về con chung của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên đã phát sinh hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét. Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét kháng cáo của bà Y, ông H đối với tài sản chung.

[2.2] Về chia tài sản chung:

[2.2.1] Đối với thửa đất số 131, tờ bản đồ số 13, toạ lạc xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre:

Nguyên đơn bà Y khai không có tài sản chung. Ông H có đơn yêu cầu chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân, yêu cầu chia thửa đất số 131, tờ bản đồ số 13, diện tích 2.770,3 m^2; thửa đất số 379, tờ bản đồ số 5, diện tích 1.201,2 m^2, cùng tọa lạc tại xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Xét thấy thửa đất số 131, tờ bản đồ số 13 do bà Nguyễn Thị Kim Y đứng tên thông qua hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 16/4/2022 từ bà Lê Thị Bạch Y1 sang tên cho bà Nguyễn Thị Kim Y. Do ông H và bà Y đăng ký kết hôn với ông La Hoài H vào ngày 14/9/2010 nên đây là tài sản phát sinh trong thời kỳ hôn nhân.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Y không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh thửa đất 131, tờ bản đồ số 13 do bà Mai Thị Ả tặng cho riêng bà Y. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định thửa đất số 131, tờ bản đồ số 13 do bà Y đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tọa lạc tại xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của bà Y với ông H là phù hợp. Vì vậy, việc ông H yêu cầu chia đôi thửa đất số 131, tờ bản đồ số 13 là có cơ sở nên được chấp nhận.

Tuy nhiên, nếu chia cho bà Y với ông H bằng hiện vật sẽ không thuận lợi

trong quá trình canh tác, do đó chia cho bà Y nhận hiện vật thửa đất nêu trên và bồi hoàn lại cho ông H một phần hai giá trị thửa đất là phù hợp.

[2.2.2] Đối với thửa đất số 379, tờ bản đồ số 5, diện tích 1.201,2 m^2, tọa lạc tại xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre:

Theo hồ sơ quy trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì thửa đất trên do bà Nguyễn Thị Kim U đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đồng thời thửa đất trên nguồn gốc là của bà Mai Thị Ả tặng cho quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị Kim U (BL số 100). Do đó, ông La Hoài H cho rằng đây là tài sản chung giữa ông H với bà Y, đồng thời yêu cầu chia đôi là không có cơ sở nên không được chấp nhận. Tuy nhiên, trên thửa đất có ngôi nhà gạch G2, ông H khai khi ông H về chung sống với bà Y ngôi nhà đã có rồi, đồng thời, ông H có bỏ công sức tu bổ, làm tăng giá trị ngôi nhà, xây thêm phần nhà phía trước, lời khai của ông H phù hợp với biên bản lấy lời khai ngày 20/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại đối với lời khai của người làm chứng, do đó ông La Hoài H được chia một phần tư giá trị ngôi nhà gạch G2 là phù hợp với quy định của pháp luật.

Mặt khác, tại phiên toà phúc thẩm, bà Ả cho rằng nhà gạch G2 do bà Ả xây cho con gái là bà Y về ở. Bà U có lời khai (BL:83) đây là nhà của bà Y. Vì vậy, việc Toà án cấp sơ thẩm đã xem xét nguồn gốc tài sản, công sức đóng góp của bà Y để chia cho bà Y nhiều hơn là phù hợp.

Bà Y được chia, nhận và toàn quyền quản lý, sử dụng nhà gạch G2 và các tài sản trên đất gồm: mái che 2, mái che 3, nhà vệ sinh và hồ nước được xây dựng trên thửa đất số 379, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre do bà Nguyễn Thị Kim U đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bà Y phải có nghĩa vụ bồi hoàn lại cho ông H số tiền cụ thể là: [183.083.000 đồng (1/2 giá trị đất và tài sản trên đất của thửa đất 131, tờ bản đồ số 13) + 28.751.000 đồng (1/4 giá trị ngôi nhà gạch G2)] = 211.834.000 đồng (Hai trăm mười một triệu tám trăm ba mươi bốn nghìn đồng).

Bà Y tự thỏa thuận với bà Nguyễn Thị Kim U để tiếp tục sử dụng ngà gạch G2 và các công trình kiến trúc khác có trên đất gồm: Máy che 2, mái che 3, hồ nước, nhà vệ sinh. Trường hợp hai bên tranh chấp sẽ được giải quyết trong vụ án khác.

Đối với nhà G1 trên thửa 379 các đương sự không chứng minh được là tài sản chung của ông H, bà Y nên không có cơ sở để Toà án xem xét chia nên Toà án cấp sơ thẩm không xem xét là phù hợp.

[3] Đối với các nội dung khác (khoản vay Ngân hàng, tiền bán xe) các đương sự không kháng cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy Toà án cấp sơ thẩm

đã xem xét giải quyết toàn diện các yêu cầu của đương sự; việc chia tài sản của ông H, bà Y khi ly hôn phù hợp nguyên tắc giải quyết tài sản của vợ chồng khi ly hôn được quy định tại Điều 59 và Điều 62 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Bà Y, ông H kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[6] Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là có phần phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận một phần.

[6] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Y, ông H phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim Y, ông La Hoài H;

Giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 82/2024/HNGĐ-ST ngày 06/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Cụ thể tuyên:

Căn cứ các điều 51, 55, 57, 59, 60, 62, 81, 82, 83, 84, 107, 116, 119 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Các điều 147, 227, 228; 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần đơn khởi kiện về việc yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Kim Y đối với ông La Hoài H.

Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Kim Y với ông La Hoài H.

Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Kim Y với ông La Hoài H chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con chung:

Bà Y được trực tiếp nuôi dưỡng cháu La Xuân P1, sinh ngày 23/01/2009. Riêng cháu Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày 30/9/2002, là người thành niên, hai bên không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

Ông H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Bà Y trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84, Điều 116 và Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và quyết định thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung.

Bà Nguyễn Thị Kim Y được chia, nhận bằng hiện vật và toàn quyền sử dụng thửa đất số 131, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại xã P, huyện B tỉnh Bến Tre. Ngoài ra, bà Y được quyền sở hữu các tài sản trên đất gồm: 22 cây dừa; 01 căn chòi có kết cấu mái lợp tole fiproximăng, vách tole thiếc, cột xi măng, nền xi măng

+ Thửa đất số 131, tờ bản đồ số 13, có tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp kênh.
- Hướng Tây giáp thửa 103, tờ bản đồ số 13 (Đất ông Nguyễn Thành B).
- Hướng Nam giáp thửa 130, tờ bản đồ 13 (Đất của bà Nguyễn Thị Kim U).
- Hướng Bắc giáp thửa 132, tờ bản đồ số 13 (Đất ông Nguyễn Thành B).

(Kèm theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 06/9/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B, tỉnh Bến Tre).

Bà Nguyễn Thị Kim Y phải có nghĩa vụ bồi hoàn lại cho ông La Hoài H phân nửa giá trị thửa đất 131, tờ bản đồ số 13 và các tài sản trên đất với số tiền là 183.083.000 đồng (Một trăm tám mươi ba triệu không trăm tám mươi ba nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị Kim Y được chia, nhận bằng hiện vật và toàn quyền sở hữu nhà gạch G2 được xây dựng trên thửa đất số 379, tờ bản đồ số 5, do bà Nguyễn Thị Kim U đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nhà gạch G2 có kết cấu: Phần nhà phía trước mống cột pê tông cốt thép, tường bao che, không ngăn phòng, xây gạch 10 cm, dán gạch và sơn nước, trần nhựa, nền lát gạch Ceramic, mái tole, tráng kẻm; Phần nhà phía sau nền lát gạch Ceramic, mái tole fiproximăng, mống cột pê tông cốt thép, tường bao che, ngăn phòng, xây gạch 10 cm, sơn nước, dán tường, trần nhựa. Ngoài ra, bà Y được toàn quyền sở hữu mái Che 2, máy che 3, nhà vệ sinh và hồ nước.

(Kèm theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 25/7/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B, tỉnh Bến Tre).

Bà Nguyễn Thị Kim Y phải có nghĩa vụ bồi hoàn lại cho ông La Hoài H một phần tư giá trị ngôi nhà gạch G2 với số tiền là 28.751.000 đồng (Hai mươi

tám triệu bảy trăm năm mươi mốt nghìn đồng).

Như vậy, tổng số tiền bà Nguyễn Thị Kim Y phải có nghĩa vụ bồi hoàn lại cho ông La Hoài H là 211.834.000 đồng (Hai trăm mười một triệu tám trăm ba mươi bốn nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim Y đối với ông La Hoài H về việc yêu cầu ông H hoàn trả số tiền vay, tiền bán xe và tiền cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền lưu cư của bị đơn La Hoài H.

Ông La Hoài H không yêu cầu lưu cư nên không xem xét, giải quyết.

6. Về nợ chung:

Bà Nguyễn Thị Kim Y với ông La Hoài H có nợ Ngân hàng TMCP N1-Chi nhánh B1-Phòng G2 Đại số tiền là 16.650.000 đồng (Mười sáu triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng). Ngân hàng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

7. Về án phí

7.1. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Kim Y phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Y đã nộp là (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006449 ngày 23 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

7.2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Bà Nguyễn Thị Kim Y phải chịu 15.020.000 đồng (Mười lăm triệu không trăm hai mươi nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Y đã nộp là 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000674 ngày 11/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre. Như vậy, bà Nguyễn Thị Kim Y còn phải nộp tiếp số tiền là 14.520.000 đồng (Mười bốn triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng).

- Ông La Hoài H phải chịu 10.591.000 đồng (Mười triệu năm trăm chín mươi mốt nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông H đã nộp là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006107 ngày 18/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện

Bình Đại, tỉnh Bến Tre. H2 lại cho ông La Hoài H số tiền tạm ứng án phí còn lại là 4.409.000 đồng (Bốn triệu bốn trăm lẻ chín nghìn đồng).

8. Về chi phí tố tụng.

Bà Nguyễn Thị Kim Y với ông La Hoài H mỗi người phải chịu: 7.355.500 đồng (Bảy triệu ba trăm năm mươi lăm nghìn năm trăm đồng).

Bà Nguyễn Thị Kim Y phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông La Hoài H số tiền 7.355.500 đồng (Bảy triệu ba trăm năm mươi lăm nghìn năm trăm đồng).

Tổng số tiền chi phí tố tụng là 14.711.000 đồng, tuy nhiên ông H đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng với số tiền là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) theo biên lai thu tiền ngày 07/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Như vậy, hoàn lại cho ông La Hoài H số tiền chênh lệch còn lại là 289.000 đồng (Hai trăm tám mươi chín nghìn đồng).

9. Về án phí hôn nhân phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị Kim Y phải chịu là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003913 ngày 07/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Ông La Hoài H phải chịu là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003928 ngày 20/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THAHS tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thế Hồng